

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Gói thầu số 4: Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế, linh kiện thay thế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 4: Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế, linh kiện thay thế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, thuộc dự án/dự toán mua sắm Gói thầu số 4: Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế, linh kiện thay thế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa

### GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử

dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BVĐKT ngày 07/01/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm gói thầu số 4: Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế, linh kiện thay thế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh – Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số E2500026623\_2501241442 ngày 24/01/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 4: Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế, linh kiện thay thế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT số 16/BCĐG-TVVL ngày 19 tháng 03 năm 2025 do đơn vị Tư vấn đầu thầu – Công ty cổ phần Tư vấn Vạn Long lập;

Căn cứ Tờ trình số 1082/TTr-HĐTV ngày 28/03/2025 của Hội đồng tư vấn đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu số 4: Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế, linh kiện thay thế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 1085/BCTĐ-TTĐ ngày 31/03/2025 của Tổ thẩm định Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Xem xét đề nghị của *Hội đồng tư vấn đầu tư và Tổ thẩm định Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.*,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: *Gói thầu số 4: Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế, linh kiện thay thế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;* thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

### **1. Thông tin về gói thầu:**

- Số E-TBMT: IB2500026623
- Tên gói thầu: Gói thầu số 4: Cung cấp, lắp đặt thiết bị y tế, linh kiện thay thế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 5.983.580.000 VND
- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 Ngày

### **2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:**

---

| S<br>T<br>T | Phần/<br>lô nhà<br>thầu<br>tham<br>dự | Tên<br>nhà<br>thầu                                          | Mã số<br>thuế | Giá<br>dự<br>thầu<br>(VND<br>) | Giá dự<br>thầu<br>sau<br>hiệu<br>chỉnh<br>sai<br>lệch<br>thừa<br>(nếu<br>có),<br>giảm<br>giá<br>(nếu<br>có)<br>(VND) | Điểm<br>kỹ<br>thuật<br>(nếu<br>có) | Giá<br>đánh<br>giá<br>(nếu<br>có)<br>(VND<br>) | Giá<br>trúng<br>thầu<br>(VND<br>) | Thời<br>gian<br>thực<br>hiện<br>gói<br>thầu | Thời<br>gian<br>thực<br>hiện<br>hợp<br>đồng | Các<br>nội<br>dung<br>khác<br>(nếu<br>có) |
|-------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1           | Hệ thống nội soi dạ dày, tá tràng     | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Kỹ thuật Tràng An | 0101168834    | 3.380.000.000                  | 3.380.000.000                                                                                                        |                                    |                                                | 3.380.000.000                     | 120 ngày                                    | 120 ngày                                    |                                           |
| 2           | Dây nội soi đại tràng                 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Kỹ thuật Tràng An | 0101168834    | 1.150.000.000                  | 1.150.000.000                                                                                                        |                                    |                                                | 1.150.000.000                     | 120 ngày                                    | 120 ngày                                    |                                           |
| 3           | Máy phá rung tim và tạo nhịp tim      | CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ                        | 2800588271    | 337.800.000                    | 337.800.000                                                                                                          |                                    |                                                | 337.800.000                       | 120 ngày                                    | 120 ngày                                    |                                           |

|   |                                                                         |                                                                                  |            |                     |                 |  |  |                     |             |             |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------|-----------------|--|--|---------------------|-------------|-------------|--|
|   |                                                                         | THAN<br>H<br>HÓA                                                                 |            |                     |                 |  |  |                     |             |             |  |
| 4 | Bơm<br>tiêm<br>điện                                                     | CÔNG<br>TY<br>CÔ<br>PHẦN<br>THIẾT<br>BỊ<br>VẬT<br>TƯ Y<br>TẾ<br>THAN<br>H<br>HÓA | 2800588271 | 486.0<br>00.00<br>0 | 486.00<br>0.000 |  |  | 486.0<br>00.00<br>0 | 120<br>ngày | 120<br>ngày |  |
| 5 | Linh<br>kiện<br>thay<br>thế<br>cho<br>máy<br>thở<br>GE<br>Heathc<br>are | CÔNG<br>TY<br>TNHH<br>SNC<br>ASIA                                                | 0109929093 | 503.5<br>80.00<br>0 | 503.58<br>0.000 |  |  | 503.5<br>80.00<br>0 | 120<br>ngày | 120<br>ngày |  |

### 3. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

| ST<br>T | Tên<br>phần<br>(lô)                           | Tên<br>hàng<br>hóa                            | Ký mã<br>hiệu                                                                 | Nhãn<br>hiệu | Năm<br>sản<br>xuất    | Xuất<br>xứ  | Hãng<br>sản<br>xuất                                                                                                 | Cấu<br>hình,<br>tính<br>năng<br>kỹ<br>thuật<br>cơ bản | Đơn vị<br>tính | Khối<br>lượng | Mã HS | Đơn<br>giá<br>trúng<br>thầu |
|---------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------|---------------|-------|-----------------------------|
| 1       | Hệ<br>thống<br>nội soi<br>dạ dày,<br>tá tràng |                                               |                                                                               |              |                       |             |                                                                                                                     |                                                       |                |               |       |                             |
| 1.1     |                                               | Hệ<br>thống<br>nội soi<br>dạ dày,<br>tá tràng | Ký mã<br>hiệu<br>máy<br>chính:<br>CV-150<br>0/GIF-<br>HQ190/<br>TJF-<br>Q190V | Olympu<br>s  | 2024<br>trở về<br>sau | Nhật<br>Bản | Hãng<br>sản xuất<br>máy<br>chính:<br>Shiraka<br>wa<br>Olympu<br>s Co.,<br>Ltd./<br>Aizu<br>Olympu<br>s Co.,<br>Ltd. | Theo<br>bảng<br>đáp ứng<br>kỹ thuật                   | HT             | 1             | 9018  | 3.380.0<br>00.000           |

|     |                                              |                                  |                                     |               |                    |          |                                        |                                                                  |     |    |      |               |
|-----|----------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|---------------|--------------------|----------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----|----|------|---------------|
| 2   | Dây nội soi đại tràng                        |                                  |                                     |               |                    |          |                                        |                                                                  |     |    |      |               |
| 2.1 |                                              | Dây nội soi đại tràng            | CF-HQ190I                           | Olympus       | 2024 trở về sau    | Nhật Bản | Aizu Olympus Co., Ltd.                 | Theo bảng đáp ứng kỹ thuật                                       | Cái | 1  | 9018 | 1.150.000.000 |
| 3   | Máy phá rung tim và tạo nhịp tim             |                                  |                                     |               |                    |          |                                        |                                                                  |     |    |      |               |
| 3.1 |                                              | Máy phá rung tim và tạo nhịp tim | TEC-5631                            | Nihon Kohden  | 2024 trở về sau    | Nhật Bản | Nihon Kohden Corporation               | Theo bảng chào đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu. | Cái | 2  |      | 168.900.000   |
| 4   | Bơm tiêm điện                                |                                  |                                     |               |                    |          |                                        |                                                                  |     |    |      |               |
| 4.1 |                                              | Bơm tiêm điện                    | TE-SS730 (Mã sản phẩm: TE*SS730N03) | Terumo        | 2024 trở về sau    | Nhật Bản | Ashitaka Factory of Terumo Corporation | Theo bảng chào đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu. | Cái | 20 |      | 24.300.000    |
| 5   | Linh kiện thay thế cho máy thở GE Healthcare |                                  |                                     |               |                    |          |                                        |                                                                  |     |    |      |               |
| 5.1 |                                              | Van 1 chiều điều khiển dòng khí  | 1505-3209-000-S                     | GE Healthcare | Từ năm 2023 trở đi | Mỹ       | GE Healthcare                          | '- Linh kiện mới 100%<br>- Lắp đặt phù hợp với máy thở Caresca   | Cái | 3  |      | 49.280.000    |

|  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  | <p>pe<br/>R860/<br/>GE<br/>Healthc<br/>are -<br/>Mỹ<br/>- Cam<br/>kết thiết<br/>bị hoạt<br/>động ổn<br/>định<br/>sau khi<br/>thay thế<br/>linh<br/>kiện.<br/>- Cung<br/>cấp các<br/>giấy tờ<br/>chứng<br/>minh<br/>nguồn<br/>gốc<br/>xuất xứ<br/>của linh<br/>kiện,<br/>phụ<br/>kiện,<br/>vật tư<br/>thay thế<br/>gồm:<br/>Tờ khai<br/>hải<br/>quan<br/>không<br/>thể hiện<br/>giá.<br/>- Van<br/>điều<br/>khiển<br/>khí nén<br/>được sử<br/>dụng để<br/>kiểm<br/>soát lưu<br/>lượng<br/>khí qua<br/>ống dẫn<br/>ở mức<br/>160 lpm<br/>của<br/>máy thở<br/>- Các<br/>thành<br/>phần có<br/>khả<br/>năng<br/>chống<br/>ăn mòn,<br/>có hiệu<br/>quả cao</p> |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|

|     |  |                         |             |               |                    |            |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |   |  |             |
|-----|--|-------------------------|-------------|---------------|--------------------|------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|--|-------------|
|     |  |                         |             |               |                    |            |               | khí sử dụng trong môi trường y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |   |  |             |
| 5.2 |  | Bảng mạch Carrier Board | 2066858-001 | GE Healthcare | Từ năm 2023 trở đi | Trung Quốc | GE Healthcare | Linh kiện mới 100%<br>- Lắp đặt phù hợp với máy thở Carescape R860/GE Healthcare - Mỹ<br>- Cam kết thiết bị hoạt động ổn định sau khi thay thế linh kiện.<br>- Cung cấp các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ của linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế gồm:<br>Tờ khai hải quan không thể hiện giá.<br>-Bảng mạch Carrier Board là bo xử lý chính và có chức | Cái | 3 |  | 118.580.000 |

|  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  | <p>năng<br/>giao<br/>tiếp với<br/>các bộ<br/>phận<br/>khác<br/>của<br/>màn<br/>hình<br/>máy thờ<br/>R860.<br/>COM<br/>Express<br/>Module,<br/>Carrier<br/>Board<br/>và phần<br/>cứng<br/>gắn kết.<br/>- Thiết<br/>kế nhỏ<br/>gọn,<br/>vận<br/>hành<br/>đáng tin<br/>cậy và<br/>tuổi thọ<br/>cao<br/>- Bộ<br/>cứng<br/>bao<br/>gồm<br/>Carrier<br/>Board<br/>và<br/>Express<br/>Board<br/>chứa<br/>CPU và<br/>RAM<br/>(không<br/>bao<br/>gồm thẻ<br/>nhớ).<br/>Carrier<br/>Board<br/>có khe<br/>cắm CF<br/>card để<br/>chứa<br/>phần<br/>mềm<br/>(không<br/>bao<br/>gồm CF<br/>card) bộ<br/>nhớ<br/>đệm<br/>DDR2,<br/>sử dụng</p> |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|

|  |  |  |  |  |  |  |  |                                  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  | pin<br>CMOS<br>3V<br>100mAh<br>. |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|----------------------------------|--|--|--|--|

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Giao Giao Hội đồng tư vấn đầu tư, Tổ thẩm định và các khoa, phòng, Trung tâm có liên quan căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành. căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng tư vấn đầu tư, Tổ thẩm định và các khoa, phòng, Trung tâm có liên quan của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa và Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Sở Y tế, Sở Tài chính(b/c);
- Kho bạc NN(b/c);
- Lưu VT,TBYT; TCKT.

**GIÁM ĐỐC**

**LÊ VĂN SỸ**